



Để hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được triển khai hiệu quả, việc xây dựng một hệ thống cơ sở pháp lý và quản lý nhà nước vững chắc đóng vai trò then chốt.

## CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ HỆ THỐNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO



**TS Phạm Gia Chương**

*Phó Bí thư thường trực, Đảng ủy Bộ Khoa học và Công nghệ*

“

Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH, CN & ĐMST) được Đảng và Nhà nước xác định là “động lực chính cho phát triển”. Để hoạt động này được triển khai hiệu quả, việc xây dựng một hệ thống cơ sở pháp lý và quản lý nhà nước vững chắc đóng vai trò then chốt. Bài viết cung cấp cái nhìn toàn diện về cơ sở pháp lý và hệ thống quản lý nhà nước (QLNN) đối với hoạt động ĐMST tại Việt Nam hiện nay.

”



## Cơ sở pháp lý thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Trong những năm gần đây, Đảng và Nhà nước đã có những định hướng, điều chỉnh chủ động để thúc đẩy hoạt động KH, CN & ĐMST theo xu thế chung của thế giới. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030 đã xác định KH, CN & ĐMST là một trong các đột phá quan trọng để phát triển. Cụ thể là: Tiếp tục phát triển toàn diện nguồn nhân lực, KH, CN & ĐMST gắn với khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, lòng tự hào dân tộc, ý chí tự cường và phát huy giá trị văn hóa, con người Việt Nam. Phát triển mạnh mẽ KH, CN & ĐMST và chuyển đổi số để tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Có thể chế, cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội, thúc đẩy ĐMST, ứng dụng, chuyển giao công nghệ; nâng cao năng lực nghiên cứu, làm chủ một số công nghệ mới, hình thành năng lực sản xuất mới có tính tự chủ và khả năng thích ứng, chống chịu của nền kinh tế, lấy doanh nghiệp làm trung tâm nghiên cứu phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, ứng dụng công nghệ số. Phát triển hệ thống ĐMST quốc gia, hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST.

Để bảo đảm cơ sở pháp lý cho các hoạt động ĐMST dựa vào tri thức khoa học, khởi nguồn từ các hoạt động nghiên cứu của viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp..., trong giai đoạn từ 2000 đến nay, 07 đạo luật liên quan đã được Quốc hội ban hành gồm:

*Luật KH&CN số 29/2013/QH13, ngày 18/06/2013:* Tạo nền tảng pháp lý cơ bản cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của các tổ chức, cá nhân; khẳng định sự quan tâm đầu tư có trọng tâm, trọng điểm của Chính phủ Việt Nam đối với KH&CN (bảo đảm mức đầu tư từ ngân sách nhà nước đạt 2% năm).

*Luật Công nghệ cao số 21/2008/QH12, ngày 13/11/2008:* Quy định về hoạt động công nghệ cao, chính sách, biện pháp khuyến khích, thúc đẩy hoạt động công nghệ cao.

*Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14, ngày 12/06/2017:* Hình thành hành lang pháp lý cho hoạt động khởi nghiệp ĐMST của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

*Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14, ngày 19/06/2017:* Thiết lập những quy định cần thiết để thực hiện chuyển giao công nghệ trên cơ sở tuân thủ các quy định về sở hữu trí tuệ; xác lập những hành lang về công nghệ được khuyến khích và không khuyến khích chuyển giao từ nước ngoài vào Việt Nam và ngược lại; trao quyền sử dụng, quyền sở hữu và hình thức phân chia lợi nhuận đối với các kết quả nghiên cứu sử dụng ngân sách nhà nước; các cơ chế, chính sách khuyến khích để thúc đẩy chuyển giao, đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp thông qua các ưu đãi về thuế, tín dụng, đất đai và đặc biệt là Quỹ Đổi mới Công nghệ Quốc gia.

*Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 31/VBHN-VPQH, ngày 10/12/2018:* Cung cấp các quy định pháp lý cần thiết về tiêu chuẩn, chất lượng đối với sản phẩm, hàng hoá của doanh nghiệp sản xuất tại Việt Nam.

*Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 30/VBHN-VPQH ngày 10/12/2018:* Hình thành các cơ chế hỗ trợ để doanh nghiệp Việt Nam có động lực nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh thông qua các hoạt động KH, CN & ĐMST.

*Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11, ngày 29/11/2005 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2019, 2022):* Tạo lập khung khổ pháp lý cho việc bảo hộ các quyền sở hữu trí tuệ cho các lực lượng tham gia vào hoạt động ĐMST; tạo các điều kiện hỗ trợ cần thiết để phát triển tài sản trí tuệ trong các tổ chức KH&CN và khu vực doanh nghiệp.

Ngoài ra, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành một loạt các văn bản liên quan, điển hình là:

*Nghị định 38/2018/NĐ-CP ngày 11/03/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo:* Cụ thể hóa quy định về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa



khởi nghiệp sáng tạo; việc thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo và cơ chế sử dụng ngân sách địa phương đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo ở Việt Nam. Trên cơ sở các quy định của pháp luật trong lĩnh vực KH&CN, đã có nhiều cơ chế, chính sách được ban hành để hỗ trợ, khuyến khích thúc đẩy hoạt động KH, CN & ĐMST nói chung.

*Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 25/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030:* Tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp chuyển giao, đổi mới, hoàn thiện công nghệ, tạo ra các sản phẩm có chất lượng, có giá trị gia tăng cao; thúc đẩy việc chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp ở vùng nông thôn, miền núi, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn; đào tạo nhân lực KH&CN phục vụ chuyển giao, đổi mới, hoàn thiện công nghệ.

*Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030:* Tập trung hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên cơ sở áp dụng các giải pháp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, góp phần nâng tỷ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

*Quyết định 2205/QĐ-TTg ngày 24/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030:* Với các nội dung tăng cường các hoạt động tạo ra tài sản trí tuệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực về đổi mới sáng tạo và sở hữu trí tuệ, thúc đẩy đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ ở trong và ngoài nước, nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ, thúc đẩy và tăng cường hiệu quả thực thi và chống xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, phát triển, nâng cao năng lực

các tổ chức trung gian và chủ thể quyền sở hữu trí tuệ, hình thành, tạo dựng văn hóa sở hữu trí tuệ trong xã hội nhằm mục tiêu hướng đến đưa sở hữu trí tuệ trở thành công cụ quan trọng nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, tạo môi trường khuyến khích đổi mới sáng tạo và thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

*Quyết định 1158/QĐ-TTg ngày 13/07/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ quốc gia đến năm 2030:* Nhằm mục tiêu giá trị giao dịch hàng hóa khoa học và công nghệ hàng năm tăng mạnh, bình quân đạt 30%, trên 35% đối với một số lĩnh vực, ngành hàng xuất khẩu chủ lực. Tỷ trọng giao dịch tài sản trí tuệ đạt trên 20%, tỷ trọng giao dịch các công nghệ nhập khẩu từ các nước phát triển đạt 35%. Tỷ trọng giao dịch công nghệ từ các viện nghiên cứu, trường đại học Việt Nam đạt trên 40% trong tổng giao dịch công nghệ có nguồn gốc trong nước; phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ: trên 240 tổ chức trung gian và 6 mạng lưới tổ chức trung gian chuyên sâu cho 6 ngành hàng xuất khẩu chủ lực; số hóa các kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ có tiềm năng thương mại hóa trên thị trường. Hiện đại hóa hệ thống hạ tầng quốc gia của thị trường khoa học và công nghệ, kết nối hiệu quả với mạng lưới tổ chức trung gian khu vực và toàn cầu.

*Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/05/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST quốc gia đến năm 2025”:* Hướng đến tạo lập môi trường thuận lợi để thúc đẩy, hỗ trợ quá trình hình thành và phát triển loại hình doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới; hoàn thiện hệ thống pháp lý hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST; thiết lập được Cổng thông tin khởi nghiệp ĐMST quốc gia; hỗ trợ được 800 dự án, 200 doanh nghiệp khởi nghiệp, trong đó 50 doanh nghiệp gọi được vốn thành công từ các nhà đầu tư mạo hiểm, thực hiện mua bán và sáp nhập, với tổng giá trị ước tính khoảng 1.000 tỷ đồng.



## Hệ thống tổ chức, bộ máy quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Bộ máy QLNN nói chung, trong đó có bộ máy QLNN về KH&CN đóng vai trò trung tâm của hệ thống chính trị, là tổ chức bộ máy quyền lực thể hiện và thực hiện ý chí, quyền lực của nhân dân, thay mặt nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân quản lý toàn bộ hoạt động của đời sống xã hội, bao gồm cả hoạt động KH&CN. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ trong QLNN về KH&CN được quy định trong Luật Tổ chức Chính phủ 2015 và Luật KH&CN 2013.

Tại Điều 73 Luật KH&CN 2013, trách nhiệm QLNN về KH&CN của Chính phủ được quy định cụ thể: Thống nhất QLNN về KH&CN trong phạm vi cả nước và ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách cụ thể để bảo đảm phát triển KH&CN là quốc sách hàng đầu; Chỉ đạo ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, chiến lược phát triển KH&CN, quy hoạch mạng lưới tổ chức KH&CN công lập; Phân công, phân cấp thực hiện chức năng QLNN về KH&CN; Chỉ đạo hoạt động hội nhập quốc tế về KH&CN; phát triển nguồn nhân lực KH&CN; Chỉ đạo công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về KH&CN; kiểm tra việc thực hiện pháp luật về KH&CN; chỉ đạo công tác kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về KH&CN; hằng năm, Chính phủ có trách nhiệm báo cáo Quốc hội về việc thực hiện chính sách, biện pháp để phát triển KH&CN; việc sử dụng ngân sách nhà nước đầu tư cho KH&CN; kết quả hoạt động KH&CN.

Theo Nghị định số 28/2023/NĐ-CP ngày 02/60/2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ KH&CN (thay thế Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16/8/2017), Bộ KH&CN là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng QLNN về KH, CN & ĐMST, bao gồm: hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, ĐMST; phát triển tiềm lực KH&CN; sở hữu trí tuệ; tiêu chuẩn đo lường chất lượng; năng lực nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân; quản

lý nhà nước các dịch vụ công trong lĩnh vực thuộc bộ quản lý theo quy định của pháp luật. Nghị định số 28/2023/NĐ-CP đã cụ thể hóa chức năng quản lý nhà nước của Bộ KH&CN với 25 nhiệm vụ, quyền hạn khác nhau. So với các nghị định trước đây, Bộ KH&CN được giao mới chức năng QLNN về ĐMST với một số nhiệm vụ, quyền hạn như: Xây dựng kế hoạch, hướng dẫn và tổ chức triển khai các hoạt động khởi nghiệp ĐMST; tạo lập và thúc đẩy môi trường pháp lý hỗ trợ khởi nghiệp; huy động các nguồn lực đầu tư cho ĐMST; phát triển hệ thống ĐMST quốc gia.

Trách nhiệm QLNN của Bộ KH&CN được quy định tại Điều 74 Luật KH&CN 2013, cụ thể: Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, chiến lược, kế hoạch phát triển KH&CN, quy hoạch mạng lưới tổ chức KH&CN công lập; xây dựng và phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ KH&CN 05 năm và hằng năm; thống nhất quản lý nhiệm vụ KH&CN các cấp; hướng dẫn xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước các cấp, trực tiếp quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia; xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ trong chương trình, đề án KH&CN đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; quản lý, sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước đầu tư cho KH&CN; xây dựng đề xuất cơ cấu, tỷ lệ chi ngân sách nhà nước cho KH&CN làm căn cứ cho việc giao dự toán ngân sách nhà nước hằng năm; thẩm định việc thành lập tổ chức KH&CN công lập theo phân cấp của Chính phủ; cho phép thành lập tổ chức KH&CN có vốn nước ngoài; đăng ký hoạt động KH&CN theo thẩm quyền; xây dựng và quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia về KH&CN; hệ thống thống kê KH&CN và tiêu chí thống kê thống nhất trong cả nước; đẩy mạnh việc khai thác và sử dụng sáng chế; phát triển thị trường KH&CN; tổ chức quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về KH&CN; tuyên truyền, phổ biến và tổ chức hướng dẫn thực hiện pháp luật về KH&CN; hợp tác quốc tế về KH&CN; thanh tra, kiểm tra hoặc phối hợp thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về

KH&CN; giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về KH&CN theo thẩm quyền; căn cứ kết quả kiểm tra và hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước cho KH&CN của các cơ quan và tổ chức để đề xuất điều chỉnh việc phân bổ kinh phí cho giai đoạn tiếp theo; thực hiện nhiệm vụ khác được Chính phủ ủy quyền hoặc phân công.

Theo Điều 75 Luật KH&CN 2013, trách nhiệm QLNN về KH&CN của các bộ, cơ quan ngang bộ được quy định cụ thể:

**Bộ Kế hoạch và Đầu tư:** Lập và trình Chính phủ dự toán chi đầu tư phát triển KH&CN theo đề xuất của Bộ KH&CN; phối hợp với Bộ KH&CN trong việc xét duyệt dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho KH&CN; đôn đốc, kiểm tra các ngành, các cấp nhằm bảo đảm sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả kinh phí đầu tư phát triển KH&CN.

**Bộ Tài chính:** Lập và trình Chính phủ dự toán chi sự nghiệp KH&CN theo đề xuất của Bộ KH&CN về cơ cấu, tỷ lệ chi ngân sách nhà nước cho KH&CN; cân đối và bố trí kinh phí đầy đủ, kịp thời theo dự toán kinh phí đã được phê duyệt; phối hợp với Bộ KH&CN đôn đốc, kiểm tra các ngành, các cấp nhằm bảo đảm sử dụng kinh phí sự nghiệp KH&CN đúng mục đích và có hiệu quả.

**Bộ Nội vụ:** Chủ trì, phối hợp với Bộ KH&CN xây dựng chính sách sử dụng, trọng dụng nhân lực KH&CN; chủ trì, phối hợp với Bộ KH&CN, cơ quan có liên quan giao biên chế cho tổ chức KH&CN công lập.

**Bộ, cơ quan ngang bộ khác:** Thực hiện QLNN về KH&CN và chịu trách nhiệm về hoạt động KH&CN trong ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách; xác định, tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN và quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn lực KH&CN thuộc ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách; có tổ chức chuyên trách quản lý KH&CN; phối hợp với Bộ KH&CN xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, chiến lược, kế hoạch, biện pháp thúc đẩy phát triển KH&CN, đổi mới công nghệ; xây dựng

và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin, thống kê về KH&CN; báo cáo kịp thời, đầy đủ thông tin và số liệu thống kê KH&CN về Bộ KH&CN; quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư phát triển KH&CN, kinh phí sự nghiệp KH&CN đúng mục đích và có hiệu quả, phù hợp với đặc thù và tiến độ kế hoạch KH&CN.

*Tại các địa phương:* Sở KH&CN là cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, có chức năng tham mưu, giúp UBND cấp tỉnh QLNN về: hoạt động KH&CN; phát triển tiềm lực KH&CN; tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; sở hữu trí tuệ; ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ; an toàn bức xạ và hạt nhân.

*Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế - Hạ tầng:* là cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, có chức năng tham mưu, giúp UBND cấp huyện QLNN về KH&CN.

\*  
\* \*

Trong bối cảnh mới, KH, CN & ĐMST có vai trò đặc biệt quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia, là động lực đối với sự phát triển các ngành, lĩnh vực, thúc đẩy tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế; tạo điều kiện chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu. Ở Việt Nam, Công tác QLNN tổ chức thực thi nhiệm vụ đổi mới KH&CN đã mang nhiều hàm ý về quản lý ĐMST. Tuy nhiên, việc cụ thể hóa các quan điểm QLNN về KH, CN & ĐMST vẫn đang trong quá trình hoàn thiện. Vì vậy, để bảo đảm phù hợp với chủ trương của Đảng, văn bản pháp luật của Nhà nước đã, đang và sẽ được ban hành. Bên cạnh đó, để đáp ứng yêu cầu đặt ra trong điều kiện mới, cần nghiên cứu lý luận và thực tiễn để từ đó đề xuất bổ sung những nội dung mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế những quy định không còn phù hợp về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức đối với các bộ, ngành và các cơ quan chuyên môn về KH&CN thuộc UBND các cấp, đáp ứng yêu cầu tiếp tục cải cách bộ máy QLNN phù hợp với chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong giai đoạn mới ✍